DẤU CHẤM LỬNG VÀ DẤU CHẤM PHẨY

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được công dụng của đấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.

– Biết dùng dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy khi viết.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nếu nói một cách khái quát thì dấu câu là những kí hiệu được dùng trong văn bản nhằm :

– Đánh dấu chỗ kết thúc câu, ngăn cách câu ấy với các câu khác trong văn bản.

– Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong cùng một câu.

– Đánh dấu một số bộ phận đặc biệt trong câu.

– Biểu thị một số nội dung đặc biệt mà không cần dùng lời.

2. Dấu chấm lửng được dùng để :

– Tỏ ý rằng nhiều sự vật, hiện tượng còn chưa được liệt kê hết.

Muốn dùng dấu chấm lửng trong trường hợp này, cần liệt kê ít nhất là hai sự vật, hiện tượng. Trong chức năng này, dấu chấm lửng có thể dùng sau kí hiệu "v.v" biểu thị sự tương tự trong liệt kê.

– Thể hiện chỗ lời nói bị bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng (vì một lí do tâm lí hoặc sinh lí nào đó). Các nhà văn thường dùng dấu chấm lửng để thể hiện sự bối rối, lúng túng, hốt hoảng, đau đớn,... của nhân vật.

– Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ bất thường, ngoài dự đoán. Cách dùng này mang lại hiệu quả tu từ : biểu thị sự dí dỏm, hài hước, châm biếm,... Ví dụ :

– *Nó nói nó không đến được. Nó bận lắm, bận... ngủ.*

– *Tin mới đây. Tin mới là ... không có gì mới cả.*

3. Dấu chấm phẩy được dùng để :

– Đánh dấu ranh giới giữa các vế của câu ghép trong trường hợp mỗi vế của câu ghép ấy gồm nhiều bộ phận, các bộ phận đã được ngăn cách với nhau bằng dấu phẩy.

– Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp. Trong trường hợp này, dấu chấm phẩy được dùng kết hợp với dấu phẩy : Dấu phẩy được dùng để ngăn cách các thành phần đồng chức trong từng bộ phận liệt kê, còn dấu chấm phẩy được dùng để phân giới các bộ phận liệt kê ấy trong phép liệt kê chung. Xét ví dụ :

Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau : yêu nước, yêu nhân dân ; trung thành với sự nghiệp xây dựng

chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà ; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng ; yêu lao động, coi lao động là nghĩa vụ thiêng liêng của mình ; có tinh thần làm chủ tập thể, có ý thức hợp tác, giúp nhau ; chân thành và khiêm tốn ; quý trọng của công và có ý thức bảo vệ của công ; yêu văn hoá, khoa học và nghệ thuật ; có tinh thần quốc tế vô sản.

(*Theo* Trường Chinh)

Trong một liệt kê phức tạp như trên, tác giả tổng kết những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới thể hiện trong chín mối quan hệ và dùng dấu chấm phẩy đánh dấu ranh giới các mối quan hệ này. Sau đó tác giả mới dùng dấu phẩy để ngăn cách các thành phần đồng chức trong nội bộ các mối quan hệ. Cách dùng dấu câu như vậy giúp người đọc hiểu được các tầng bậc ý khi liệt kê, tránh được sự hiểu nhầm có thể xảy ra. Chẳng hạn, nếu tác giả chỉ dùng dấu phẩy khi liệt kê : *Những tiêu chuẩn đạo đức của con người mới phải chăng có thể nêu lên như sau : yêu nước, yêu nhân dân, trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng* [...] thì người đọc, nhất là những ai muốn bóp méo nội dung, có thể cố tình hiểu *ăn bám* và *lười biếng* cũng là những đặc điểm của con người mới.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu công dụng của dấu chấm lửng.

Bước 1 : GV chép các ví dụ cho ở phần I lên bảng và yêu cầu HS cho biết tại sao tác giả lại dùng dấu chấm lửng.

a) *Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...*

(Hồ Chí Minh)

→ Dấu chấm lửng tỏ ý còn nhiều vị anh hùng dân tộc nữa chưa được liệt kê.

b) *Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào, thở không ra lời :*

Bẩm... quan lớn... đê vỡ mất rồi !

(Phạm Duy Tốn)

→ Dấu chấm lửng biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói của nhân vật do quá mệt và hoảng sợ.

c) *Cuốn tiểu thuyết được viết trên... bưu thiếp.*

(Báo *Hà Nội mới*)

→ Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của từ *bưu thiếp* (một tấm bưu thiếp thì quá nhỏ so với dung lượng của một cuốn tiểu thuyết).

Bước 2 : Sơ kết.

GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc Ghi nhớ của phần I.

Hoạt động 2. Tìm hiểu công dụng của dấu chấm phẩy.

Bước 1 : GV chép các ví dụ của phần II lên bảng và đặt các câu hỏi (đã cho trong SGK) để giúp HS nắm được công dụng của dấu chấm phẩy.

a) *Cốm không phải thức quà của người vội ; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.*

(Thạch Lam)

→ Dấu chấm phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa hai vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp (vế thứ hai đã dùng dấu phẩy để ngăn cách các bộ phận đồng chức).

b) Trong câu *b*, dấu chấm phẩy được dùng để ngăn cách các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp, nhằm giúp người đọc hiểu được các bộ phận, các tầng bậc ý trong khi liệt kê. Trong trường hợp này, không nên thay dấu chấm phẩy bằng dấu phẩy. Lí do : xem ở phần *II – Những điều cần lưu ý.*

Bước 2 : Sơ kết.

GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc Ghi nhớ của phần II.

Hoạt động 3. Hệ thống hoá kiến thức.

GV yêu cầu 2 – 3 HS đọc lại các phần Ghi nhớ về dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.

Hoạt động 4. Làm bài tập (trang 123, SGK).

Tuỳ theo lượng thời gian còn lại, GV hướng dẫn HS làm các bài tập trong SGK.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1.

a) Dấu chấm lửng dùng để biểu thị lời nói bị ngắc ngứ, đứt quãng do sợ hãi, lúng túng (– *Dạ, bẩm*...).

b) Dấu chấm lửng biểu thị câu nói bị bỏ dở.

c) Dấu chấm lửng biểu thị sự liệt kê chưa đầy đủ.

Bài tập 2.

Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách các vế của những câu ghép có cấu tạo phức tạp.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UB KHXH Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.

2. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) – Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, Sđd.

3. Đinh Trọng Lạc – Lê Xuân Thại, *Sổ tay tiếng Việt Phổ thông trung học*, Sđd.